

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2025

V/v "Ly hôn, con chung và tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Thu Nga

Ông Đinh Hồng Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn H1, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở chính: số A phố L (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Cao Văn H1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25/01/2000. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng có nhiều xích mích, không thỏa thuận được sau nhiều lần hòa giải, cuộc sống

không hạnh phúc nên không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân này. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vì vậy, chị H yêu cầu xin được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con gồm Cao Thị Bích T, sinh ngày 27/8/2000 và Cao Văn T1, sinh ngày 19/5/2003. Hiện con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: gồm 01 ngôi nhà gỗ 03 gian trên thửa đất số 8, tờ bản đồ số 17; thửa đất số 824, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; 01 máy giặt; 01 máy lọc nước; 01 bàn gỗ; 01 bàn inox; 10 ghế nhựa; 01 bếp gas; 01 bình gas; 01 bồn đựng nước. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Hai vợ chồng có vay nợ của ngân hàng C số tiền 120.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Cao Văn H1 vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Đinh Thị H xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H1; đối với tài sản chung và nợ chung, chị H xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H. Về quan hệ hôn nhân: cho chị H ly hôn anh H1. Về quan hệ con chung: các con đã đủ 18 tuổi nên không xét. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng đối với Ngân hàng C. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết tài sản chung, nợ chung khi ly hôn với anh Cao Văn H1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh H1 có nơi cư trú tại thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với quyền lợi của Ngân hàng C, tại phiên tòa và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, phía ngân hàng C đã được Tòa án thông đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia các phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, phía Ngân hàng C vắng mặt không có lý do, không cử người đại diện tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết khoản vay giữa chị H, anh H1 với Ngân hàng C theo khoản 1 Điều 5, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, chị H xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, nợ chung. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu khởi kiện phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

[1.3] Anh Cao Văn H1 không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Bị đơn anh Cao Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 và Ngân hàng C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị H cho rằng trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên chị không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay bản thân chị H đã hết tình cảm. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên, anh H1 đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn với chị H. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con gồm Cao Thị Bích T, sinh ngày 27/8/2000 và Cao Văn T1, sinh ngày 19/5/2003. Hiện con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Cao Văn H1.

Về quan hệ con chung: Không xét.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng đối với Ngân hàng C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000676 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười

lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Dương sự;
- UBND xã Trung Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh